

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÂN LOẠI NGÀNH KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Tạ Văn Toàn

Ngày 27/10/1993 Chính phủ ký Nghị định số 75/CP ban hành hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân gồm 20 ngành cấp I. Căn cứ vào nội dung Nghị định 75/CP, Tổng cục Trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định số 143 - TCTK/PPCĐ ngày 22-12-1993 hướng dẫn cụ thể ngành cấp II, cấp III và cấp IV.

Nguyên tắc phân ngành kinh tế quốc dân chủ yếu dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ có kết hợp với công dụng của sản phẩm vật chất và dịch vụ.

Bài viết này chỉ trao đổi về ngành nông lâm nghiệp và thủy sản. Theo thứ tự trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân, ngành nông lâm nghiệp đứng thứ nhất và

mang mã số “A” với 2 ngành cấp II, 6 ngành cấp III và 14 ngành cấp IV. Ngành thủy sản đứng thứ 2 và mang mã số “B” với 1 ngành cấp II, 1 ngành cấp III và 1 ngành cấp IV. Qua 7 năm thực hiện, phân ngành kinh tế nông lâm nghiệp, thủy sản theo hệ thống phân ngành này đã có tác dụng rất tốt trong phân tích và nghiên cứu cơ cấu ngành. Tuy nhiên đã phát sinh một số vấn đề chưa phù hợp, gây không ít khó khăn trong việc phân tổ, phân tích số liệu và áp mã trong các cuộc điều tra. Những vấn đề này cần phải được nghiên cứu và cải tiến, nhằm nâng cao tính thực tiễn của hệ thống phân ngành trên các mặt sau đây:

**Thứ nhất:** Về tên gọi ngành cấp II.

Theo hệ thống ngành kinh tế hiện nay, ngành nông nghiệp và lâm nghiệp được quy định là:

01 Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan

02 Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan

Với quy định như trên thì ngành nông lâm nghiệp không bao hàm hoạt động dịch vụ. Theo chúng tôi, tổ chức hoạt động dịch vụ là để hỗ trợ cho hoạt động chính, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng và khai thác gỗ, do vậy hoạt động nông lâm nghiệp phải bao gồm cả hoạt động dịch vụ. Các ngành kinh tế khác như công nghiệp khai thác mỏ, công nghiệp chế biến, vận tải vv... hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho ngành nào thì tính vào ngành đó. Vì quy định bất hợp lý đó nên trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ nông lâm nghiệp có một số sửa đổi, ví dụ chỉ tiêu giá trị sản xuất nông nghiệp bao gồm 3 hoạt động là: trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ; chỉ tiêu giá trị sản xuất lâm nghiệp bao gồm: trồng và nuôi rừng, khai thác lâm sản, thu nhặt sản

phẩm từ rừng, các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

Như vậy, ngành kinh tế cấp II nên quy định là:

01 : Nông nghiệp

02 : Lâm nghiệp

**Thứ hai:** Một số quy định trong phân ngành kinh tế quốc dân đã được Tổng cục thống kê thay thế bằng văn bản pháp quy khác.

Mã 0112 trồng cây lương thực khác.

Phân ngành kinh tế quốc dân quy định gồm các hoạt động gieo trồng ngô, khoai lang, khoai tây, khoai nước, dong giềng, củ từ, sắn và các loại khoai khác. Nội dung này đã được thay thế bằng Thông tư số 02/2000/TT-TCTK ngày 23/8/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, cụ thể:

Cây lương thực được chia thành hai nhóm cây: Cây lương thực có hạt và cây chất bột có củ.

Cây lương thực có hạt bao gồm: lúa, ngô, cao lương, kê, mỳ, mạch.

Cây chất bột lấy củ, bao gồm : khoai lang, sắn, khoai mỡ, dong giềng, khoai nước.

Khoai tây được xếp vào nhóm rau, đậu.

**Thứ ba:** Một số quy định không phù hợp với tính chất, quy trình công nghệ sản xuất và công dụng sản phẩm của cây trồng, nên không được áp dụng vào thực tế.

Mã số 0113: trồng cây công nghiệp

Cây công nghiệp bao gồm hai nhóm cây: Cây công nghiệp ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày. Hai loại cây này có thời gian gieo trồng, sinh trưởng và kết thúc chu kỳ cho sản phẩm khác nhau, nên trong thống kê nông nghiệp cũng như trong quản lý đều tách thành hai nhóm

riêng, cây công nghiệp ngắn ngày được xếp vào nhóm cây hàng năm, cây công nghiệp dài ngày được xếp vào nhóm cây lâu năm.

Mã số: 0116 trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh và cây gia vị.

Trong thực tế rau đậu và hoa cây cảnh có công dụng của sản phẩm rất khác nhau nên đã được xếp thành hai nhóm riêng:

- Rau đậu, gia vị;
- Hoa, cây cảnh.

Mã số 013 - 0130 và 014 - 0140 Các hoạt động dịch vụ phục vụ trồng trọt và chăn nuôi (loại trừ hoạt động thú y)

Hoạt động dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi có quy trình công nghệ khác nhau cơ bản, nên trong thống kê nông nghiệp cũng như quản lý đã tách thành hai hoạt động riêng, dịch vụ chăn nuôi xếp vào hoạt động chăn nuôi, dịch vụ trồng trọt xếp vào hoạt động trồng trọt.

**Thứ tư** phân ngành kinh tế quốc dân hiện hành với mã ngành cấp III, cấp IV chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý của ngành nông lâm nghiệp và thủy sản.

Mã ngành của hoạt động lâm nghiệp và thủy sản không được chi tiết đến cấp III và cấp IV nên ảnh hưởng đến việc phân tích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành. Để giải quyết hạn chế đó, trong chế độ báo cáo thống kê nông lâm nghiệp thủy sản đã tách lâm nghiệp thành 3 hoạt động là: Hoạt động trồng rừng, khai thác gỗ, dịch vụ lâm nghiệp; tách thủy sản thành 3 hoạt động: Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, dịch vụ thủy sản.

**Thứ năm** Phần hướng dẫn phân loại cụ thể có một số điểm mâu thuẫn với nguyên tắc phân loại và những vấn đề chung, nên không được áp dụng.

Mã số 013-0130 trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp.

Nhóm này gồm: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc, như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong đơn vị trồng trọt mà không có hoạt động nào chiếm hơn 66% giá trị sản xuất của đơn vị.

Phần nguyên tắc phân loại và những vấn đề chung quy định, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là hoạt động sử dụng nhiều vốn nhất của đơn vị và cũng từ đó góp nhiều nhất vào giá trị tăng thêm của toàn đơn vị. Nếu đơn vị cơ sở vừa có hoạt động chính vừa có hoạt động phụ mà các hoạt động phụ được hạch toán riêng thì mỗi hoạt động kể cả hoạt động chính và hoạt động phụ được xếp vào ngành tương ứng. Nhưng nếu các hoạt động phụ không được hạch toán riêng thì toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cơ sở được quy định xếp vào một ngành tương ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị cơ sở đó.

Như vậy theo nguyên tắc phân loại chung, việc xếp các hoạt động sản xuất kinh doanh vào ngành tương ứng, không phải căn cứ vào hoạt động nào chiếm hơn 66% giá trị sản xuất như phần hướng dẫn cụ thể quy định, mà căn cứ vào mức độ hạch toán của đơn vị. Vì thế mã ngành 013-0130 trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp không được sử dụng trong những năm qua.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị, bảng danh mục phân ngành nông lâm nghiệp và thủy sản trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân như sau:

#### **A- Nông nghiệp và Lâm nghiệp**

01- Nông nghiệp

011 – Trồng trọt

0111 Trồng lúa

0112 Trồng cây lương thực có hạt khác

- 0113 Trồng cây chất bột lấy củ
- 0114 Trồng rau, đậu và cây gia vị
- 0115 Trồng cây dược liệu
- 0116 Trồng cây công nghiệp hàng năm
- 0117 Trồng cây ăn quả
- 0118 Trồng cây công nghiệp lâu năm
- 0119 Trồng các cây khác chưa được phân vào đâu.
- 012 – Chăn nuôi
  - 0121 Chăn nuôi gia súc
  - 0122 Chăn nuôi gia cầm
  - 0129 Chăn nuôi khác chưa được phân vào 2 ngành trên
- 013- 0130 Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- 014- 0140 Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (trừ hoạt động thú y)
- 015- 0150 Sản bắt, đánh bắt và thuần dưỡng thú (bao gồm cả hoạt động dịch vụ có liên quan)
- 02 Lâm nghiệp
  - 021-0210 Trồng và nuôi rừng
  - 022-0220 Khai thác lâm sản
  - 022-0230 Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp

## **B- Thủy sản**

- 05 Nuôi thủy sản
  - 051 Nuôi hải sản nước mặn, lợ
    - 0511 Nuôi cá
    - 0512 Nuôi tôm, cua
    - 0513 Nuôi tảo
    - 0514 Nuôi trai lấy ngọc
    - 0515 Tạo giống
    - 0519 Nuôi hải sản nước mặn, lợ khác
  - 052 Nuôi thủy sản nước ngọt
    - 0521 Nuôi cá
    - 0522 Nuôi tôm
    - 0529 Thủy sản nước ngọt khác
- 06 Khai thác thủy sản
  - 061 Khai thác thủy sản nước mặn, lợ
    - 0611 Đánh bắt cá xa bờ
    - 0612 Đánh bắt cá ven bờ
    - 0613 Đánh bắt các loại giáp xác
    - 0619 Đánh bắt thủy sản nước mặn, lợ khác
  - 062 Khai thác thủy sản nước ngọt
    - 0621 Đánh bắt cá
    - 0629 Đánh bắt thủy sản nước ngọt khác